

BÁO CÁO PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2016

I) LỢI NHUẬN

1- Tổng doanh thu và thu nhập khác	328,100,227,979
2- Giá vốn tiêu thụ	272,878,670,651
3- Chi phí bán hàng	14,297,132,904
4- Chi phí quản lý doanh nghiệp	13,751,798,531
5- Chi phí tài chính	(3,329,473,894)
6- Chi phí khác	436,136,695
7- Lợi nhuận (1)-[(2)+(3)+(4)+(5)+(6)]	30,065,963,092

II) TỶ LỆ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

1- Chi trả cổ tức:

Tỷ lệ thực hiện chi trả cổ tức năm 2016 là 18%

2- Trích quỹ:

Quỹ đầu tư phát triển: Tỷ lệ trích 20%, tương đương 4.941.233.214 đồng

Quỹ khen thưởng: Tỷ lệ trích 12%, tương đương 2.964.739.928 đồng (Cty trích trong quý 1/2017)

Quỹ phúc lợi: Tỷ lệ trích 03%, tương đương 741.184.982 đồng (Cty trích trong quý 1/2017)

Quỹ thù lao HĐQT: Tỷ lệ trích 05%, tương đương 1.235.308.303 đồng

III) PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

* Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5,176,641,520
* Chi phí thuế TNDN hoãn lại	183,155,503
8- Phân phối lợi nhuận năm 2016	24,706,166,069
a/ - Trả cổ tức cho cổ đông : [55.5 tỷ * 18%]	9,990,000,000
Trong đó :	
Cổ đông nhà nước : 18% * 16.095.000.000	2,897,100,000
Cổ đông tư nhân : 18% * 39.405.000.000	7,092,900,000
b/ - Trích quỹ công ty	6,176,541,517
- Quỹ đầu tư phát triển [8 * 20%]	4,941,233,214
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi [8 * 00%]	-
- Quỹ thù lao HĐQT [8 * 5%]	1,235,308,303
c/ - Tổng lợi nhuận chưa phân phối	30,694,200,078
- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 chuyển năm sau	8,722,780,055
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	21,971,420,023

III) GIÁ TRỊ CỔ PHẦN ĐẾN NGÀY 31/12/2016

9- Vốn điều lệ	143,242,502,349
10- Thặng dư vốn cổ phần	55,500,000,000
11- Quỹ đầu tư phát triển	17,380,542,000
12- Lợi nhuận chưa phân phối	39,667,760,271
13- Giá trị kế toán 1 cổ phần	30,694,200,078
14- Giá trị tăng thêm so với mệnh giá 1 cổ phần	25,809
	15,809

Ngày 21 tháng 03 năm 2017

TM. Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

P. Tổng Giám Đốc

NGUYỄN THẾ PHONG

NGUYỄN TRẦN XUÂN MAI

TRỊNH BÍCH DUNG



NGÔ NAM THẮNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

TÀI SẢN			NGUỒN VỐN		
1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	130,009,482,094	1	NỢ PHẢI TRẢ	36,430,727,744
1.1	Tiền và các khoản tương đương tiền	9,331,480,878	1.1	Nợ ngắn hạn	34,640,051,944
1.2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	78,000,000,000		- Phải trả người bán	2,829,684,450
1.3	Các khoản phải thu ngắn hạn	12,859,284,611		- Người mua trả tiền trước	1,083,670,234
	- Phải thu của khách hàng	10,930,964,175		- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,768,419,007
	- Trả trước cho người bán & phải thu khác	2,985,191,068		- Phải trả người lao động	2,634,342,872
	- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1,056,870,632)		- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	12,465,273,803
1.4	Hàng tồn kho	29,818,716,605		- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8,537,680,340
	- Tồn kho nguyên nhiên vật liệu	14,629,576,271		- Quỹ khen thưởng - phúc lợi	3,320,981,238
	- Tồn kho thành phẩm dở dang	3,456,480,846	1.2	Nợ dài hạn	1,790,675,800
	- Tồn kho thành phẩm	11,979,072,553		- Phải trả dài hạn khác	1,790,675,800
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(246,413,065)			
2	TÀI SẢN DÀI HẠN	49,663,747,999	2	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	143,242,502,349
2.1	Các khoản phải thu dài hạn của khách hàng	47,000,000		- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	55,500,000,000
2.2	Tài sản cố định	32,631,856,573		- Thặng dư vốn cổ phần	17,380,542,000
	- Tài sản cố định hữu hình	28,006,934,290		- Quỹ đầu tư phát triển	39,667,760,271
	- Tài sản cố định vô hình	4,624,922,283		- Lợi nhuận chưa phân phối	30,694,200,078
2.3	Bất động sản đầu tư	15,425,495,156		LN chưa phân phối kỳ trước	22,154,575,526
2.4	Tài sản dở dang dài hạn	322,800,000		LN chưa phân phối kỳ này	8,539,624,552
2.5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	90,000,000			
2.6	Tài sản dài hạn khác	1,146,596,270			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	179,673,230,093		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	179,673,230,093

GHI CHÚ : Các số liệu trên đã được kiểm toán bởi Cty Kiểm Toán Chuẩn Việt và Ban Kiểm Soát Cty CPDP 2/9.

BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN TRẦN XUÂN MAI NGUYỄN THẾ PHONG

P. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRỊNH BÍCH DUNG

Ngày 21 tháng 03 năm 2017
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY CPDP 2/9